112-1四技新南向時尚二善Thiết kế tạo mẫu tóc năm 2 lớp Thiện

	一	二	三	四	五
第 1 節 0820-0910					企業實務實習(一) 林順堂 Thực tập
第 2 節 0920-1010				商業髮型設計(一) 吳瑞雯 圖913(彩妝) Tạo mẫu tóc	企業實務實習(一) 林順堂 Thực tập
第 3 節 1020-1110			生活華語(二) 李芝媛 圖406 Tiếng trung đời sống	商業髮型設計(一) 吳瑞雯 圖913(彩妝) Tạo mẫu tóc	企業實務實習(一) 林順堂 Thực tập
第 4 節 1120-1210			生活華語(二) 李芝媛 圖406 Tiếng trung đời sống	商業髮型設計(一) 吳瑞雯 圖913(彩妝) Tạo mẫu tóc	企業實務實習(一) 林順堂 Thực tập
第 5 節 1300-1350			藝術指甲(一) 許妙琪 圖903(美甲) Nghệ thuật làm móng	職場華語(二) 林威誠 圖406 Tiếng trung nơi làm việc	企業實務實習(一) 林順堂 Thực tập
第 6 節 1400-1450			藝術指甲(一) 許妙琪 圖903(美甲) Nghệ thuật làm móng	職場華語(二) 林威誠 圖406 Tiếng trung nơi làm việc	企業實務實習(一) 林順堂 Thực tập
第 7 節 1500-1550			藝術指甲(一) 許妙琪 圖903(美甲) Nghệ thuật làm móng	進階華語(二) 林威誠 圖406 Tiếng trung nâng cao	
第 8 節 1600-1650				進階華語(二) 林威誠 圖406 Tiếng trung nâng cao	